

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **31** /2022/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **29** tháng **11** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ thực hiện Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Để thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ thực hiện Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **08** tháng **12** năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./*ty*

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB và XH;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐ.VP;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm TH - CB;
- Phòng NN-TN và MT;
- Lưu: VT, KGVX. *og*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh Binh
Lê Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ thực hiện Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

*(Kèm theo Quyết định số **31** /2022/QĐ-UBND*

*ngày **29** tháng **11** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng theo quy định tại điểm b Mục 2 Phần III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chương II MỨC HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 3. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị ở từng địa bàn quy định tại khoản 1 Điều này tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết.

Điều 4. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng ở từng địa bàn quy định tại khoản 1 Điều này tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

Điều 5. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án, kế hoạch liên kết, từng dự án, phương án sản xuất và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Chương III CƠ CHẾ QUAY VÒNG MỘT PHẦN VỐN HỖ TRỢ ĐỂ LUÂN CHUYỂN TRONG CỘNG ĐỒNG

Điều 6. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thu hồi, quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, tính chất của từng dự án và địa bàn triển khai thực hiện.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động, có cam kết của cộng đồng dân cư trong việc xây dựng, thực hiện dự án và thu hồi kinh phí quay vòng.

Điều 7. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi vốn quay vòng

1. Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền mặt.

2. Tỷ lệ thu hồi vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ thực hiện dự án: 30%/dự án.

3. Mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi

a) Mức vốn thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi vốn quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất xác định số vốn phải thu hồi trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Thời gian thu hồi: Ngay sau khi kết thúc dự án.

4. Tỷ lệ quay vòng, thời gian thu hồi phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

5. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ vì lý do khách quan (*thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác*) dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định điều chỉnh dự án đã phê duyệt.

6. Gia hạn thời gian thu hồi vốn

a) Dự án bị thiệt hại từ 30% đến dưới 50% do các nguyên nhân khách quan nêu tại khoản 5 Điều này theo biên bản xác nhận của Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập thì thời gian gia hạn thu hồi kinh phí hỗ trợ tối đa 12 tháng.

b) Dự án bị thiệt hại từ 50% đến 70% do các nguyên nhân khách quan nêu tại khoản 5 Điều này theo biên bản xác nhận của Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập thì thời gian gia hạn thu hồi kinh phí hỗ trợ tối đa 12 tháng và tỷ lệ thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi vốn nêu tại khoản 2 Điều này.

c) Dự án bị thiệt hại trên 70% do các nguyên nhân khách quan nêu tại khoản 5 Điều này theo biên bản xác nhận của Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập thì không thu hồi vốn đã hỗ trợ.

Điều 8. Thẩm quyền thu hồi vốn và quản lý, sử dụng kinh phí thu hồi

1. Thẩm quyền thu hồi vốn:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án có trách nhiệm thu hồi vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ theo dự án được duyệt để thực hiện luân chuyển cho dự án khác được phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thu hồi vốn quay vòng thực hiện dự án cho cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Kết thúc dự án: Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số vốn quay vòng thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu hồi vốn theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí thu hồi

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để quản lý nguồn kinh phí thu hồi đã hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn, cụ thể:

- Tên tài khoản: Quỹ quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.
- Chủ tài khoản: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Nơi mở tài khoản: Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Kinh phí thu hồi được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để hỗ trợ thực hiện các dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

c) Hằng năm, căn cứ dự toán nguồn ngân sách nhà nước giao thực hiện Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn quỹ quay vòng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án phân bổ vốn, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện giao dự toán ngân sách nhà nước cho các phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã để triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

d) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện quyết toán chi ngân sách nhà nước theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển.

đ) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

e) Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

g) Việc quản lý và sử dụng vốn quay vòng phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng trình tự, tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 9. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư.

3. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ hàng tháng, sơ kết năm và tổng kết dự án, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án hướng dẫn, giám sát việc triển khai dự án của cộng đồng dân cư; nghiệm thu và thanh toán, giải ngân vốn cho cộng đồng dân cư dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

7. Cộng đồng dân cư tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng dân cư không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

8. Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

9. Thực hiện công khai tài chính thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; theo dõi, kiểm tra việc áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành tỉnh có liên quan kiểm tra, thanh tra việc áp dụng mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn theo Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ dự toán Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất theo quy định.

c) Kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng.

d) Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, tổng hợp chung.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo đúng quy định.

c) Kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc cộng đồng dân cư tổ chức thực hiện có hiệu quả dự án được phê duyệt và cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng.

d) Định kỳ 6 tháng, hằng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn.

5. Cộng đồng dân cư được tham gia dự án phát triển sản xuất tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.